TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 8 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Mạnh Cường;

2/ Ông Đỗ Văn Linh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Khu I, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh Hà Ngọc Đ, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Khu I, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ
(Chị N1 đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Ngọc Đ1 nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/10/2003 tại UBND xã N, tỉnh Phú ThọKhi đó, chị làm công nhân tại công ty C, T ruộng tại xã N khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại nhà riêng ở khu A, xã N cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 4 năm. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2009, nguyên nhân do anh chị không thể tìm được tiếng nói chung để cùng nhau cố gắng xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nguyện vọng của chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ

Về con chung: Chị và anh Đ2 02 con chung là: Hà Thế Dsinh ngày 06/9/2004 và Hà Hoài T ngày 19/11/2019; Cháu D thực hiện nghĩa vụ quân sự còn cháu T1 ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T2 yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con. Còn cháu D1 thành niên, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp, các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Hà Ngọc Đ3 bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Ntự n đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/10/2003 tại UBND xã N, tỉnh Phú Thọ Nay anh chị không có tiếng nói chung, chị N2 quyết ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: anh và chị N1 02 con chung là: Hà Thế Dsinh ngày 06/9/2004 và Hà Hoài T ngày 19/11/2019. Cháu T1 ở cùng chị N3 Dđã trưởng thành, lao động tự túc được. Chị N4 nuôi cháu T3 đồng ý. Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị N5 ly hôn anh Hà Ngọc Đ4 con chung: Giao cho chị N5 quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Hoài T4, sinh ngày 19/11/2019, anh Đ5 phải cấp dưỡng nuôi con do chị N6 nguyện không yêu cầu. Cháu Hà Thế D2 ngày 16/09/2004 đã thành niên, tự túc lao động được nên không giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị N7 anh Đ5 yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị N8 chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N9 anh Hà Ngọc Đ6 tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu I, xã N, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt các Thông báo, Quyết định hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa. Còn nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N9 anh Hà Ngọc Đ7 hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh Đ8 chị N là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không

thể hàn gắn, đến nay chị N yêu cầu được ly hôn anh Đ. Xét thấy, thực tế chị N9 anh Đ9 ly thân đã lâu, không cùng nhau để xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung; Mục đích hôn nhân không đạt được; Mặt khác anh Hà Ngọc Đ10 quan điểm: Nếu chị N2 quyết yêu cầu ly hôn anh cũng nhất trí. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N10 hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N9 anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung. Tuy nhiên hiện nay cháu Hà Thế D3 trưởng thành, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự nên không đặt ra giải quyết, còn cháu Hà Hoài T5 nay đang ở với chị NQuan điểm của chị N11 cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T6 yêu cầu anh Đcấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N10 chính đáng. Qua xác minh tại địa phương nơi chị N9 anh Đ11 trú thì thấy rằng: Hiện nay chị N9 cháu T6 còn chung sống cùng anh Đ12, cháu T5 đang ở với chị N12 kiện ăn ở, chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Quan điểm của anh Đ13 nhất trí để chị N13 tiếp nuôi dưỡng cháu T7 anh chị ly hôn. Do vậy, để cuộc sống của cháu T6 bị xáo trộn, nên giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N6 nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị N9 anh Đ5 yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị N8 chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba như đã trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp lật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N5 ly hôn anh Hà Ngọc Đ.

[3]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N5 quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Hoài T4, sinh ngày 19/11/2019 (đang ở cùng chị N). Anh Đ5 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị N6 nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Hà Thế D4, sinh ngày 16/09/2004 đã thành niên, tự túc lao động được nên không giải quyết về việc nuôi cháu D

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị N9 anh Đ5 yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N14 nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N15 nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0003733, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm